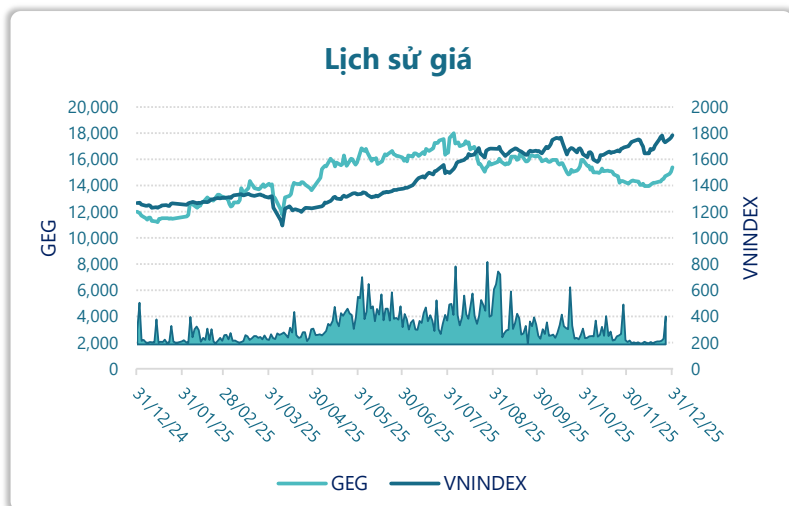


CTCP Điện Gia Lai (HSX: GEG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,200
SL cổ phiếu LH	350,604,371
KLGD BQ 20 phiên (CP)	586,465
% sở hữu nước ngoài	37.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,399
P/E	7.7
EPS	2,003

DT thuần
Q4/25

590

tỷ VNĐ

QoQ: ▼81.0 | -12.0%

YoY: ▲35.0 | 6.4%

LN sau thuế
Q4/25

96.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲16.0 | 19.9%

YoY: ▲83.7 | 675%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

54.8%

+/- YoY: ▲13.2%

DT thuần
2025

2,999

tỷ VNĐ

YoY: ▲674 | 29.0%

LN sau thuế
2025

947

tỷ VNĐ

YoY: ▲855 | 928%

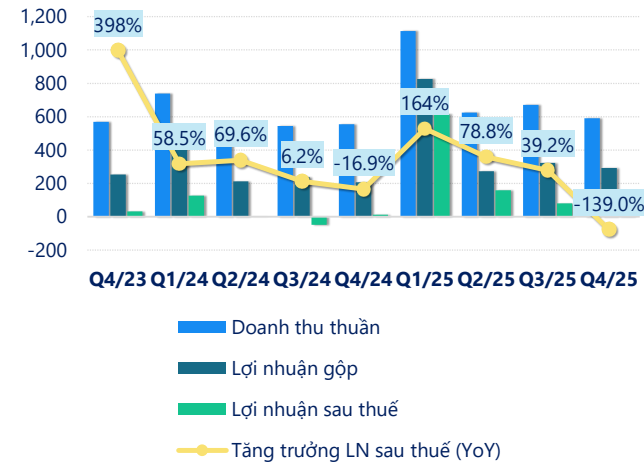
ROE
2025

11.5%

+/- YoY: ▲9.5%

tỷ VNĐ

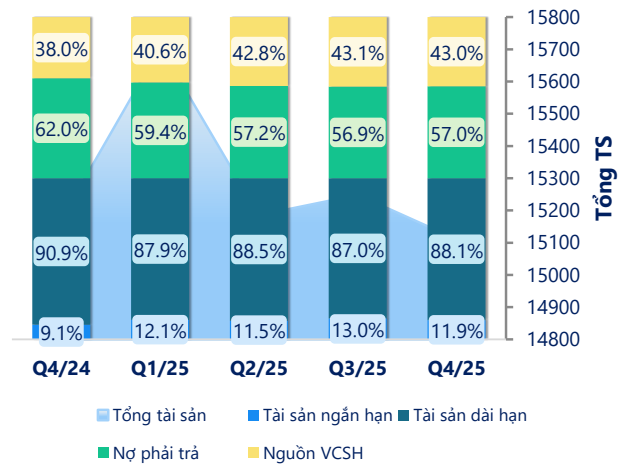
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

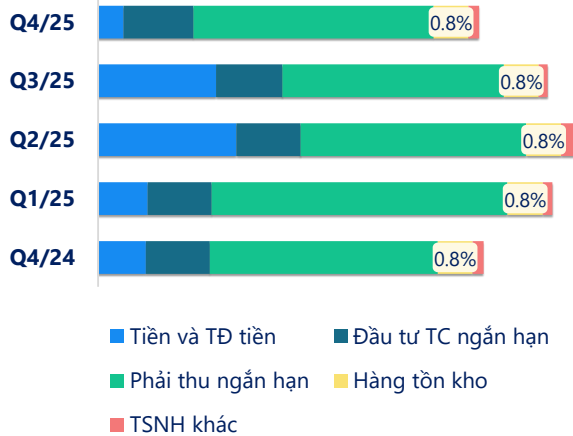
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



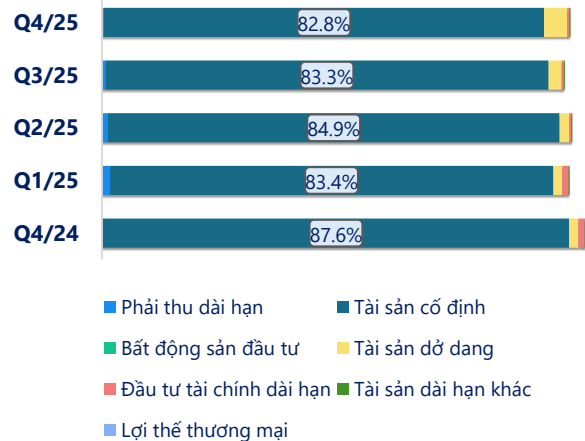
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

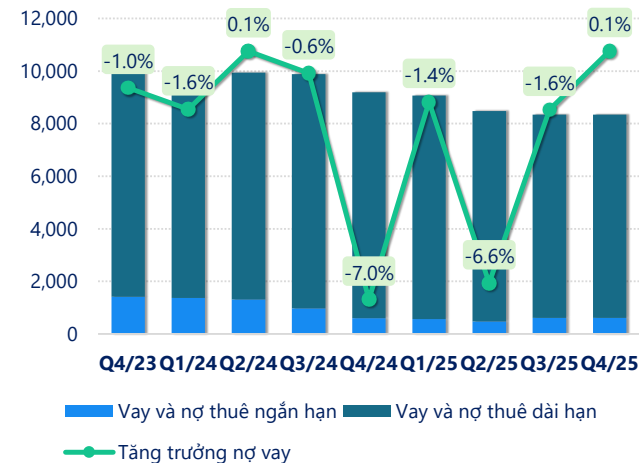
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

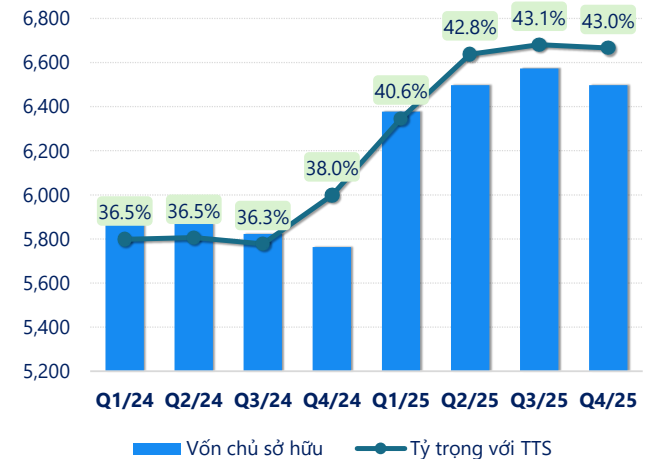
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

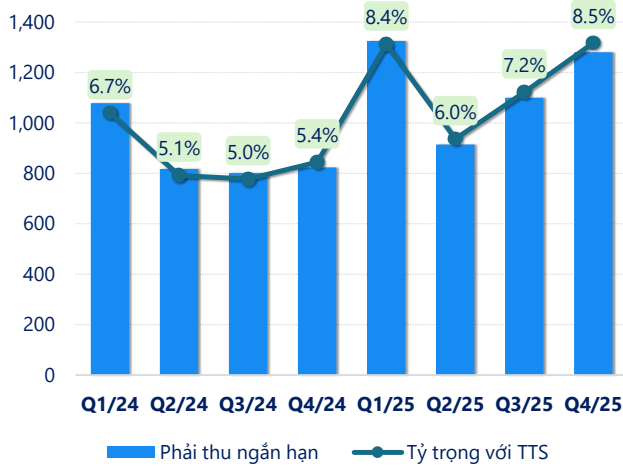
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



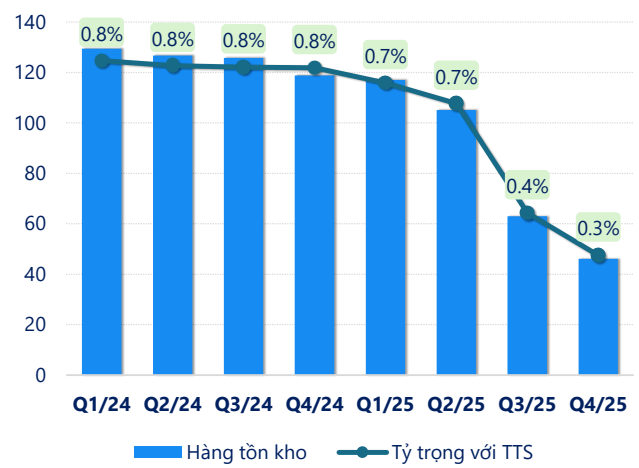
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


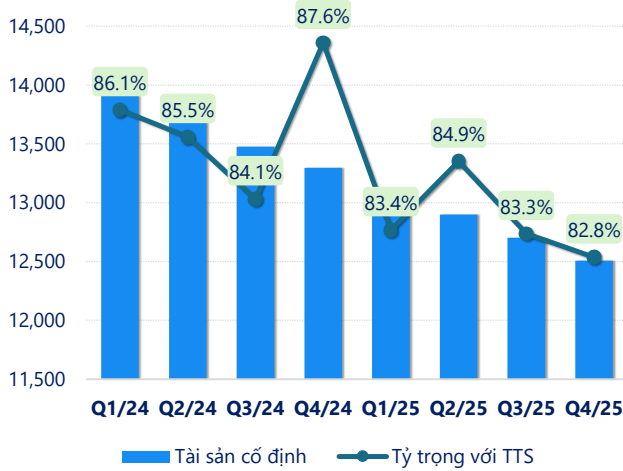
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


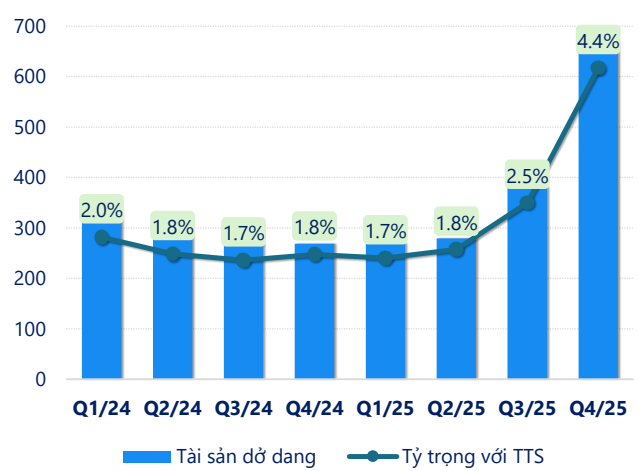
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

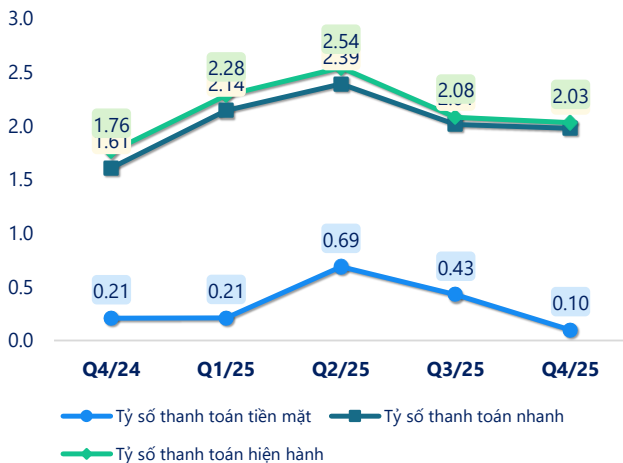
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	15,172	15,707	15,185	15,248	15,111
Tài sản ngắn hạn	1,382	1,896	1,752	1,975	1,793
Tiền và tương đương tiền	164	175	474	406	86.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	239	233	237	379	335
Phải thu ngắn hạn	823	1,324	914	1,100	1,280
Hàng tồn kho	119	117	105	63.0	46.1
Tài sản ngắn hạn khác	36.5	45.8	22.6	28.0	45.7
Tài sản dài hạn	13,791	13,811	13,434	13,273	13,318
Phải thu dài hạn	29.4	233	169	101	54.3
Tài sản cố định	13,295	13,097	12,898	12,701	12,506
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	268	269	279	381	666
Đầu tư tài chính dài hạn	174	177	53.7	54.3	57.6
Tài sản dài hạn khác	24.3	35.4	34.9	35.5	33.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	9,409	9,330	8,689	8,675	8,613
Nợ ngắn hạn	785	830	689	950	884
Vay và nợ thuê ngắn hạn	597	569	475	614	616
Phải trả người bán ngắn hạn	32.3	50.7	11.9	48.5	14.8
Nợ dài hạn	8,624	8,500	8,000	7,724	7,729
Vay và nợ thuê dài hạn	8,596	8,498	7,997	7,722	7,727
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,763	6,377	6,497	6,573	6,498
Vốn chủ sở hữu	5,763	6,377	6,497	6,573	6,498
Vốn điều lệ	4,225	4,225	4,225	4,225	4,148
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)